TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HN-ST
Ngày: 12/10/2022.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Huyền Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Ngọc Bích**

2/ Ông **Lê Anh Khoa**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lê Ngọc Lam Điền** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 343/2022/TLST–HNST ngày 20/6/2022 về việc "*tranh chấp ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 815/2022/QĐST ngày 19/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **N.T.H,** sinh năm 1981

Địa chỉ: 147/13 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **N.V.T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 147/13 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2009 tại UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.V.T.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là N.V.T.P (nam), sinh ngày 01/4/2009 và N.V.T.P (nam), sinh ngày 23/5/2017. Khi ly hôn bà đề nghị được quyền nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông N.V.T trình bày:

Ông và bà N.T.H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2009 tại UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với bà H do ông vẫn còn tình cảm với vợ, muốn hàn gắn đoàn tụ với vợ để cùng chăm sóc con.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là N.V.T.P (nam), sinh ngày 01/4/2009 và N.V.T.P(nam), sinh ngày 23/5/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với bà Huệ, đối với yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà H ông không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa,

Bà N.T.H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ông N.V.T tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà N.T.H và ông N.V.T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2009. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà H có đơn yêu cầu ly hôn với ông T. Vụ kiện được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ kiện. Tòa án đã đưa vụ kiện ra xét xử tuy nhiên, ông N.V.T đã được Tòa án tống đạt quyết định xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và bà N.T.H cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T, bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà H và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do sự bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông N.V.T. Về phía ông T tuy không đồng ý ly hôn với bà H nhưng không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông bà đã sống ly thân gần 01 năm nay. Khi bà H đưa con ra ở riêng ông T không liên hệ cũng không tìm cách thăm hỏi, hỗ trợ bà H nuôi con chung, đồng thời khi Tòa án triệu tập ông T để xét xử thì ông vẫn vắng mặt không rõ lý do chứng tỏ ông cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà N.T.H là có cơ sở để chấp nhận.

[5] *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung là N.V.T.P (nam), sinh ngày 01/4/2009 và N.V.T.P (nam), sinh ngày 23/5/2017. Hiện nay hai cháu đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, từ khi ông bà sống ly thân ông T không quan tâm, thăm nom chăm sóc và hỗ trợ bà H về chi phí nuôi dưỡng các con. Mặt khác, cháu T.P hiện nay đã trên 07 tuổi trong bản tự khai có ý kiến muốn được tiếp tục ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý, không làm thay đổi môi trường sinh hoạt của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu N.V.T.P và cháu N.V.T.P cho bà N.T.H tiếp tục nuôi dưỡng

[6] *Về cấp dưỡng:* do bà N.T.H không yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]*Về tài sản chung, nợ chung*: Do các bên khai nhận không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.T.H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà N.T.H được ly hôn với ông N.V.T.

- Về con chung: giao 02 cháu N.V.T.P (nam), sinh ngày 01/4/2009 và N.V.T.P (nam), sinh ngày 23/5/2017 cho bà N.T.H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N.V.T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N.V.T. Không ai được quyền ngăn cản ông Tiến thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: do các bên khai nhận không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà N.T.H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000588 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Huyền Trang